

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG NGUYÊN
TỈNH NGHỆ AN**
Số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 5 - 2021
V/v: *Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG NGUYÊN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Châu;
2. Ông Trần Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An:
Ông Nguyễn Phi Thăng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 148/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1992; nơi đăng ký HKTT: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh A; Nơi công tác; Công ty TNHH Minh Anh, xã H, thành phố A, tỉnh A. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc Q, sinh năm: 1990; nơi đăng ký HKTT: Xã T, huyện T, tỉnh A; nơi công tác: Công ty TNHH Sang Woo Việt Nam, xã T, huyện H, tỉnh A. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 24 tháng 11 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc Q đăng ký kết hôn vào ngày 03/8/2017 tại UBND xã T (Nay là xã Đ), huyện T, tỉnh A, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 5//2019 đến nay. Xác định tình cảm không còn nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Q. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2018. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi, yêu cầu anh Nguyễn Ngọc Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Về tài sản và các khoản nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa chị Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Q : Không hợp tác và không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án nên không có lời khai.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Q. Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2018 cho chị Nguyễn Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Buộc anh Nguyễn Ngọc Q cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị L mỗi tháng từ 1.500.000đ đến 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn và anh Nguyễn Ngọc Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”. Bị đơn hiện đang làm việc tại Công ty TNHH Sang Woo Việt Nam có địa chỉ tại: Xã T, huyện H, tỉnh A. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Ngọc Q nhưng anh Q không hợp tác và không có mặt tại Tòa án để làm việc. Đây là lần thứ hai anh Q vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An tiến hành xét xử vắng mặt anh Q là đúng quy định pháp luật.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Ngọc Q đăng ký kết hôn ngày 03/8/2017 tại UBND xã Thanh Văn (Nay là xã Đại Đồng), huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn được quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Quá trình giải quyết Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh Q lên để hòa giải nhưng anh Q không hợp tác và không có mặt để hòa giải. Điều đó chứng tỏ anh Q không có thiện chí tham gia hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ với nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Q .

[3]. *Về con chung*:

Xét yêu cầu xin được nuôi con chung của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Nguyễn Ngọc A hiện đang con nhỏ (Chưa đủ 36 tháng tuổi) đang do chị L nuôi dưỡng, chăm sóc. Bản thân chị L có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao con chung tên là Nguyễn Ngọc A cho chị L trông nom, chăm sóc.

Xét yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn (Anh Nguyễn Ngọc Q) hiện đang làm việc tại Công ty TNHH Sang Woo Việt Nam, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An theo Hợp đồng không xác định thời hạn có mức lương cứng theo hợp đồng lao động là 6.518.600đ. Theo cung cấp TNHH Sang Woo Việt Nam thì mức thu nhập thực tế của anh Quyết trong tháng 1/2021 là 7.300.042đ; tháng 2/2021 là 6.878.364đ; tháng 3/2021 là 7.689.035đ. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ là chính đáng, phù hợp và đảm bảo được quyền lợi cho con chung nên được chấp nhận. Buộc anh Nguyễn Ngọc Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị L mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

[4]. *Tài sản và các khoản nợ*: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Ngọc Q phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Q .

2. *Về con chung*: Giao con chung tên là Nguyễn Ngọc A ; sinh ngày: 21 tháng 5 năm 2018 cho chị Nguyễn Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Buộc anh Nguyễn Ngọc Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị L mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung thì các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị L đã nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Hưng Nguyên theo biên lai thu tiền số 0002163 ngày 24 tháng 11 năm 2020. Chị L đã nộp đủ.

Buộc anh Nguyễn Ngọc Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định được thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Hưng Nguyên;
- THA DS huyện Hưng Nguyên
- Dương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thanh

